TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2019
V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm;

Bà Trần Thị Ngọc Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc: "*Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Tran Tam T** (Trần Thiện T), sinh năm 1990

Địa chỉ: Garden City KS 67846 USA.

Nơi ở hiện tại: WV 26554 USA.

(Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Võ Thị Huyền T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: ấp Thạnh L, xã Đông Th, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/8/2018, bản tự khai ngày 01/02/1018, bản tự khai ngày 30/8/2018 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 30/8/2018, nguyên đơn anh Trần Tam T (Trần Thiện T) trình bày:

Vào năm 2011 trong chuyến về Việt Nam thăm gia đình, anh có quen biết và nảy sinh tình cảm với cô Võ Thị Huyền T, qua quá trình tìm hiểu anh và chị T đi đến

hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/4/2012. Sau khi kết hôn anh trở về Mỹ để làm thủ tục bảo lãnh chị T sang đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc nhưng đến tháng 8/2012 thì anh và vợ phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ cách sống và quan điểm nên không liên lạc với nhau nữa. Nhiều lần anh đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với cô Võ Thị Huyền T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Tam T có đơn yêu cầu xin được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đối với bị đơn Chị Võ Thị Huyền T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập mời chị T làm việc để làm rõ nội dung vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Võ Thị Huyền T nhưng chị T đều không có mặt theo thông báo, giấy mời của Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt chị T theo luật định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Do vụ án có đương sự anh Trần Tam T (Trần Thiện T) là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Tam T (Trần Thiện T) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân của anh T và chị T có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn, các bên sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhâu không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Tam T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh T và chị T đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Tam T (Trần Thiện T) có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn chị Võ Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lí do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về thẩm quyền: Trong vụ án có một bên là anh Tran Tam T (Trần Thiện T) là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 123 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Tam T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tran Tam T và chị Võ Thị Huyền T thông qua quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau vào năm 2011, sau đó các bên phát sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/4/2012 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 105 Quyển số 02, ngày 25/4/2012). Hôn nhân của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 103 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của của anh Tam T và chị Huyền T thì từ khi kết hôn với nhau từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng anh chị sống mỗi người một nơi, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được, anh Tam T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Huyền T. Chị T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Tam T. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Tran Tam T (Trần Thiện T) và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho anh Tran Tam T (Trần Thiện T) được ly hôn với chị Võ Thị Huyền T theo qui định tại Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Tam T và chị Huyền T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tran Tam T không yêu cầu, chị Võ Thị Huyền T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Tran Tam T (Trần Thiện T) phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 9, Điều 10, Điều 103 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tran Tam T (Trần Thiện T).

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tran Tam T (Trần Thiện T) được ly hôn với chị Võ Thị Huyền T.

2.Về quan hệ con chung: Anh Tran Tam T (Trần Thiện T) và chị Võ Thị Huyền T không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tran Tam T (Trần Thiện T) không yêu cầu và chị Võ Thị Huyền T không có ý kiến nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Tran Tam T (Trần Thiện T) phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0004027 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Tran Tam T (Trần Thiện T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Võ Thị Huyền T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Minh Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn T **Trần Thị Ngọc Trân** **Ngô Thị Minh T**